



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 05

Ngày 15 tháng 01 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 24-12-2014 - Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 25-12-2014 - Chỉ thị số 30/2014/CT-UBND về giải pháp chấn chỉnh, tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 12

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 12-12-2014 - Quyết định số 6037/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”. 21

- 12-12-2014 - Quyết định số 6045/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Quản lý, cắt cơn, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định tại các cơ sở xã hội trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 31
- 17-12-2014 - Quyết định số 6185/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 93/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế (mẫu) công tác văn thư, lưu trữ cơ quan. 47
- 17-12-2014 - Quyết định số 6186/QĐ-UBND về việc ủy quyền thực hiện một số quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích quận - huyện. 49
- 17-12-2014 - Quyết định số 6187/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 52
- 18-12-2014 - Quyết định số 6226/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014. 63
- 30-12-2014 - Quyết định số 6463/QĐ-UBND về việc đặt tên đường mới trên địa bàn Quận 9. 68
- 30-12-2014 - Quyết định số 6464/QĐ-UBND về việc đặt tên đường mới trên địa bàn Quận 12. 71

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2014/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 9981/TTr-STC-BVG ngày 05 tháng 11 năm 2014; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6040/STP-VB ngày 31 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Đơn giá thuê đất**

1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá:

$$\text{Đơn giá thuê đất một m}^2 \text{ một năm} = \text{Giá đất của một m}^2 \text{ tính tiền thuê đất} \times \text{Tỷ lệ phần trăm (\%)} \text{ tính tiền thuê đất}$$

Trong đó:

a) Giá đất tính tiền thuê đất được xác định theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều này.

b) Tỷ lệ phần trăm (%) tính tiền thuê đất được xác định tùy theo khu vực và mục đích sử dụng đất thuê theo bảng sau:

Mục đích sử dụng đất thuê	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
Kinh doanh dịch vụ, thương mại; tài chính; nhà hàng; khách sạn; nhà ở cho thuê; văn phòng làm việc và cho thuê.	2%	1,9%	1,8%	1,7%	1,6%
Sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp; nhà kho, nhà xưởng; hoạt động khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ; đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất xây dựng siêu thị, cửa hàng thương mại - dịch vụ bán hàng bình ổn giá; cửa hàng xăng dầu.	1,5%	1,4%	1,3%	1,2%	1,1%
Xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê tại các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất; bến cảng, bến tàu, bến phà, bến đò, bến xe, nhà ga, sân bay, đất xây dựng kết cấu hạ tầng cảng hàng không sân bay; sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.	1%				

Trong đó, các khu vực được xác định như sau:

- **Khu vực 1, gồm:** Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, quận Phú Nhuận, Khu A Khu đô thị mới Nam Thành phố, Khu đô thị mới Thủ Thiêm;

- **Khu vực 2, gồm:** Quận 2 (trừ Khu đô thị mới Thủ Thiêm), Quận 6, Quận 7 (trừ Khu A Khu đô thị mới Nam Thành phố), Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Tân Bình, quận Bình Tân;

- **Khu vực 3, gồm:** Quận 8, Quận 9, Quận 12, quận Thủ Đức, quận Tân Phú, quận Gò Vấp;

- **Khu vực 4, gồm:** Huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Nhà Bè, huyện Củ Chi;

- **Khu vực 5:** huyện Cần Giờ.

c) Đối với đất thuê sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật: Tỷ lệ phần trăm (%) tính tiền thuê đất được xác định bằng **0,5** lần tỷ lệ phần trăm (%) tính tiền thuê đất theo mục đích sử dụng đất và theo các khu vực nêu tại Điểm b Khoản này.

2. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá:

Đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê là giá đất của thời hạn thuê đất và được xác định theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều này.

3. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thuê:

a) Trường hợp đấu giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì đơn giá thuê đất là đơn giá trúng đấu giá của thời hạn một năm.

Đơn giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm được xác định theo quy định tại Khoản 5 Điều này. Đơn giá trúng đấu giá được ổn định 10 năm, hết thời gian ổn định thực hiện điều chỉnh đơn giá thuê đất theo chính sách về thu tiền thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá; mức điều chỉnh không vượt quá 30% đơn giá thuê đất trúng đấu giá hoặc đơn giá thuê đất của kỳ ổn định liền kề trước đó.

b) Trường hợp đấu giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì đơn giá thuê đất là đơn giá trúng đấu giá của thời hạn thuê đất. Giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê được xác định theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Giá đất cụ thể được xác định theo các phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất đầu tiên; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành) từ 30 tỷ đồng trở lên;

b) Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

5. Giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng trong các trường hợp sau:

a) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm cho chu kỳ ổn định đầu tiên, xác định đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê không thông qua hình thức đấu giá; xác định đơn giá thuê đất khi chuyển từ thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất khi nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê theo quy định tại Khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai; xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được áp dụng trong trường hợp diện tích tính thu tiền thuê đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành) dưới 30 tỷ đồng;

b) Xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo;

c) Xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

6. Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Khoản 5 Điều này được áp dụng như sau:

a) Trường hợp thời điểm xác định đơn giá thuê đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014:

- Trường hợp **thuộc** đối tượng áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính, thì được áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất bằng hai (02) lần giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định để xác định giá đất tính thu tiền thuê đất;

- Trường hợp **không** thuộc đối tượng áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính, nhưng thuộc các trường hợp được áp dụng hệ số điều chỉnh giá theo quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, thì được áp dụng theo các phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư để xác định giá đất cụ thể.

b) Trường hợp thời điểm xác định đơn giá thuê đất từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở về sau: áp dụng hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định theo Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

7. Đối với Khu Công nghệ cao Thành phố và Khu Công viên phần mềm Quang Trung sẽ áp dụng theo quy định riêng của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Xác định đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm

1. Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định Luật Đất đai, tiền thuê đất được xác định như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất được xác định bằng 10% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng;

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê được xác định bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

2. Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 3. Xác định đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai

1. Đối với phần diện tích đất không có mặt nước, xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

2. Đối với phần diện tích đất có mặt nước thì đơn giá thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được xác định bằng 50% đơn giá thuê đất hàng năm hoặc đơn giá thuê đất thu một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

Điều 4. Khung giá thuê mặt nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Điều 5. Cơ quan xác định đơn giá thuê đất

1. Căn cứ giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất và mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 1 Quyết định này, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, các cơ quan dưới đây có trách nhiệm xác định đơn giá thuê đất như sau:

a) Trường hợp xác định đơn giá thuê đất theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 3 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính: Cục trưởng Cục Thuế xác định đơn giá thuê đất để tính tiền thuê đất đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế xác định đơn giá thuê đất để tính tiền thuê đất đối với hộ gia đình, cá nhân;

b) Trường hợp xác định đơn giá thuê đất theo quy định tại Khoản 3, Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính: Giám đốc Sở Tài chính xác định đơn giá thuê đất để đấu giá quyền sử dụng đất thuê, giá trị quyền sử dụng đất thuê để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

2. Trường hợp có ý kiến khác nhau về đơn giá thuê đất giữa người thuê đất và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định đơn giá thuê đất thì quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là quyết định cuối cùng.

Điều 6. Trách nhiệm của các Sở, ngành Thành phố

1. Sở Tài chính:

a) Xác định đơn giá thuê đất theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

b) Chủ trì xác định các khoản được trừ vào số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp;

c) Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Quyết định này;

d) Là cơ quan thường trực của Hội đồng Thẩm định giá đất Thành phố, có trách nhiệm tổ chức thẩm định giá đất cụ thể để tính thu tiền thuê đất trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định này để báo cáo Hội đồng Thẩm định giá đất Thành phố xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai:

a) Xác định địa điểm, vị trí, diện tích, loại đất, mục đích sử dụng đất, thời hạn thuê đất, thuê mặt nước làm căn cứ để cơ quan tài chính và cơ quan thuế xác định đơn giá thuê và số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp.

b) Xác định thửa đất hoặc khu đất của dự án thuê đất thuộc trường hợp xác định giá đất cụ thể hoặc theo các phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 1 Quyết định này để thực hiện như sau:

- Đối với trường hợp xác định giá đất cụ thể theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất, thì chuyên hồ sơ địa chính cho cơ quan tài chính (đối với trường hợp xác định đơn giá thuê đất để đấu giá quyền sử dụng đất thuê, giá trị quyền sử dụng đất thuê để tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa) hoặc cơ quan thuế (đối với các trường hợp còn lại) xác định đơn giá thuê đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quyết định này;

- Đối với trường hợp xác định giá đất cụ thể theo các phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư, thì Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức xác định phương án giá đất cụ thể gửi Sở Tài chính tổ chức thẩm định và báo cáo Hội đồng Thẩm định giá đất Thành phố xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

3. Cục Thuế Thành phố và Chi Cục Thuế quận, huyện:

a) Xác định đơn giá thuê đất; xác định số tiền thuê đất, số tiền thuê đất để xây dựng công trình ngầm, số tiền thuê đất có mặt nước, số tiền thuê mặt nước và thông báo cho người nộp theo quy định;

b) Xác định đơn giá thuê đất, số tiền thuê đất và thông báo cho Cảng vụ Hàng không tổ chức thực hiện thu tiền thuê đất của các tổ chức, cá nhân được thuê đất, thuê mặt nước trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

c) Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giải đáp thắc mắc, giải quyết khiếu nại về thu nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Cơ quan kho bạc:

a) Thu đủ số tiền thuê đất, thuê mặt nước vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước và không được từ chối thu vì bất cứ lý do gì.

b) Không được chuyển việc thu tiền sang ngày hôm sau khi đã nhận đủ thủ tục nộp tiền của người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính.

5. Cảng vụ Hàng không Miền Nam:

a) Cung cấp cho cơ quan thuế hồ sơ cho thuê đất, thuê mặt nước của các tổ chức, cá nhân được thuê đất trong cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 156 Luật Đất đai năm 2013.

b) Xác định địa điểm, vị trí, diện tích, loại đất, mục đích sử dụng đất, thời hạn thuê đất trong phạm vi cảng hàng không sân bay đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao đất làm căn cứ để cơ quan thuế xác định đơn giá thuê đất và số tiền thuê đất phải nộp.

c) Được ủy nhiệm thu tiền thuê đất, thuê mặt nước của tổ chức, cá nhân được thuê đất, thuê mặt nước trong cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

d) Đôn đốc tổ chức, cá nhân được thuê đất trong cảng hàng không, sân bay nộp tiền thuê đất theo đúng phương thức, thời hạn ghi trong Hợp đồng thuê đất.

6. Người thuê đất, thuê mặt nước:

a) Thực hiện kê khai tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo đúng phương thức, thời hạn ghi trong Hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước.

c) Quá thời hạn nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo thông báo của cơ quan thuế mà không nộp đủ tiền thuê đất, thuê mặt nước thì phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày kể từ ngày ký.

2. Các trường hợp phát sinh kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 được thực hiện theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và quy định tại Quyết định này.

3. Các nội dung khác không được quy định chi tiết tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

4. Quyết định này thay thế Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chi Cục Trưởng Chi Cục Thuế quận - huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2014/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2014

CHỈ THỊ

Về giải pháp chấn chỉnh, tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Chỉ thị số 32/2011/CT-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường các biện pháp thực hiện công tác hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian qua, hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố đã đi vào nề nếp, có những chuyển biến tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong tiếp cận, thực hiện thủ tục hành chính và tăng cường quyền kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại cản chận chỉnh như: lãnh đạo một số đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng và ý nghĩa của kiểm soát thủ tục hành chính dẫn đến việc triển khai tại đơn vị chưa đồng bộ, chưa thật sự hiệu quả; công tác công bố, cập nhật thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực còn chậm ảnh hưởng đến việc niêm yết công khai và tổ chức thực hiện; trong quá trình giải quyết thành phần hồ sơ còn có thêm một số giấy tờ ngoài nội dung công khai, quy định; tình trạng trả hồ sơ bổ sung khi gần đến ngày hẹn trả kết quả; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn vẫn còn cao ở một số lĩnh vực.

Ngày 14 tháng 5 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 48/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; ngày 05 tháng 7 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2014 hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

Để triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất các quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính, chấn chỉnh, khắc phục các vấn đề còn tồn tại, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thị:

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt quy định pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính, các văn bản chỉ đạo của Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân Thành phố về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, trong đó chú trọng đến cán bộ, công chức trực tiếp tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính tại đơn vị.

Xác định kiểm soát thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và liên tục trong chỉ đạo điều hành của cơ quan, đơn vị để công tác này được triển khai đồng bộ, thống nhất và thực sự hiệu quả.

b) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị. Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ các nội dung (các nhiệm vụ trọng tâm, công tác kiểm tra, công tác tập huấn nghiệp vụ, công tác truyền thông), phân công trách nhiệm rõ ràng, xác định cụ thể thời gian thực hiện và dự kiến sản phẩm. Kế hoạch phải được ban hành chậm nhất trước ngày 30 tháng 01 hàng năm. Kết quả thực hiện kế hoạch phải được báo cáo kịp thời, đầy đủ cho Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Tư pháp).

c) Niêm yết công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo Quyết định công bố thủ tục hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại trụ sở cơ quan nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu đơn vị có trang thông tin điện tử).

Đảm bảo tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu thủ tục hành chính và giám sát quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức nhà nước. Thường xuyên rà soát, cập nhật công khai các thủ tục hành chính được công bố mới, công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ; không niêm yết thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành.

Cách thức niêm yết công khai thủ tục hành chính thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Sở Tư pháp. Khuyến khích các đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong niêm yết công khai thủ tục hành chính.

d) Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo đúng nội dung thủ tục hành chính đã được công bố, công khai và các quy định pháp luật có liên quan. Nghiêm cấm cơ quan thực hiện thủ tục hành chính tự đặt ra thủ tục, hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật.

Nghiêm cấm cán bộ, công chức yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp thêm giấy tờ ngoài thành phần hồ sơ đã công khai; đảm bảo chỉ nhận đúng, nhận đủ thành phần, số lượng hồ sơ. Khi tiếp nhận hồ sơ phải cấp biên nhận cho cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ, biên nhận phải ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả, có đầy đủ chữ ký, họ tên của người nộp, người nhận hồ sơ. Việc bổ sung hồ sơ (nếu có) phải thực hiện trong thời hạn quy định và bằng văn bản, chấm dứt tình trạng gần đến thời hạn trả kết quả mới yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung hồ sơ. Những hồ sơ trả lại không giải quyết; trả lại hồ sơ để bổ sung hoặc yêu cầu bổ sung nhiều lần phải được sự đồng ý của Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chủ động khắc phục hoặc đề xuất giải pháp khắc phục các nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ, đảm bảo trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn cho cá nhân, tổ chức. Các trường hợp hồ sơ trễ hạn, đơn vị nghiêm túc thực hiện Thư xin lỗi, nội dung Thư xin lỗi phải thông tin cho cá nhân, tổ chức về lý do trễ hạn và ngày hẹn trả kết quả giải quyết; đồng thời có hình thức xử lý nghiêm (kiểm điểm, luân chuyển công tác) đối với cán bộ, công chức giải quyết hồ sơ trễ hạn nhiều lần mà không có lý do chính đáng.

đ) Chỉ đạo việc quán triệt thực hiện quy định: khi cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính nộp bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực thì không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu; trường hợp nộp bản sao không có chứng thực và xuất trình kèm bản chính thì cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tự kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính mà không yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp bản sao có chứng thực.

e) Tăng cường thực hiện trách nhiệm giải trình và đảm bảo quyền giám sát của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Niêm yết công khai đầy đủ, chính xác địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư điện tử, số điện thoại chuyên dùng của Sở Tư pháp (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) là đầu mối tiếp nhận xử lý, phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố;

- Tiếp nhận và xử lý triệt để các phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức, trong đó phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cán bộ, công chức đối với nội dung phản ánh; đảm bảo yêu cầu và thời hạn quy định tại Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Thực hiện công khai kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của Thành phố, Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu đơn vị có trang thông tin điện tử);

- Thường xuyên kiểm tra việc trả lời, giải quyết đối với những trường hợp các cơ quan Nhà nước hỏi ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác giải quyết hồ sơ. Những trường hợp chậm trả lời, không trả lời các ý kiến của các đơn vị, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố.

g) Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ tại chính cơ quan, đơn vị, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp cán bộ, công chức nhũng nhiễu, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức (hàng năm đảm bảo trên 30% phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc có thực hiện thủ tục hành chính được kiểm tra); đảm bảo kiểm soát chặt chẽ việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không để xảy ra tình trạng chậm trễ, gây phiền hà; kịp thời phát hiện, xử lý những hành vi của cán bộ, công chức nhũng nhiễu, tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính; chú trọng kiểm tra các trường hợp yêu cầu bổ sung hồ sơ nhiều lần, trả lại hồ sơ cho cá nhân, tổ chức để bổ túc hồ sơ khi đã gần đến ngày hẹn trả kết quả.

Kết quả kiểm tra phải được thông báo đến đơn vị được kiểm tra biết, trong đó xác định rõ những vấn đề có sai sót cần chấn chỉnh. Tổ chức, cá nhân được kiểm tra phải kịp thời có biện pháp khắc phục và báo cáo tình hình thực hiện các biện pháp khắc phục cho cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra (thời hạn báo cáo tình hình thực hiện khắc phục do cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra quyết định và ghi rõ trong văn bản thông báo kết quả kiểm tra).

Thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố nếu để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức nhũng nhiễu, hành dân mà không kịp thời phát hiện và xử lý.

h) Chủ động, thường xuyên rà soát các quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của đơn vị để đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Tư pháp) phương án cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Tăng cường thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thực hiện thủ tục hành chính.

Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc thực hiện liên thông các thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố, địa bàn quận, huyện, phường, xã, thị trấn. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã không ban hành văn bản quy định về thực hiện liên thông các thủ tục hành chính.

i) Kiện toàn, phát huy vai trò và sự tham gia của cán bộ, công chức làm đầu mối trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị; xác định rõ nhiệm vụ của cán bộ, công chức đầu mối và trách nhiệm của các phòng ban chuyên môn trong thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính; thực hiện việc hỗ trợ tài chính đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức làm đầu mối theo quy định.

k) Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, thống kê về tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị; đảm bảo báo cáo kịp thời, chính xác, đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành:

Ngoài các nhiệm vụ nêu tại Khoản 1 Chỉ thị này, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có trách nhiệm thực hiện:

a) Sở, ban, ngành được giao chủ trì dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và gửi lấy ý kiến của Sở Tư pháp (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) đối với nội dung quy định thủ tục hành chính trước khi gửi thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

b) Thường xuyên chủ động rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền quản lý, dự thảo Quyết định công bố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành theo đúng thời hạn quy định tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

Sở, ban, ngành có trách nhiệm dự thảo Quyết định công bố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành đối với các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý, bao gồm thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ban, ngành và thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm ký tắt từng trang dự thảo Quyết định công

bổ thủ tục hành chính và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về nội dung, hình thức của Quyết định công bố thủ tục hành chính.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở, ban, ngành mà văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính đã có hiệu lực nhưng Sở, ban, ngành chưa trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố kịp thời. Chậm nhất trong quý I năm 2015, các Sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý phải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định công bố các thủ tục hành chính đã đủ điều kiện công bố (bao gồm các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã).

c) Sở, ban, ngành khi hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý phải tuân thủ đúng nội dung thủ tục hành chính đã được công bố, công khai và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Sở Tư pháp:

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố.

Tiếp tục tham mưu hoàn thiện văn bản quy định về công tác kiểm soát thủ tục hành chính làm cơ sở pháp lý cho hoạt động này được thực hiện thống nhất, đồng bộ. Trong năm 2015, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy chế hoạt động của cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố.

Xây dựng và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố hàng năm trong quý IV của năm trước liền kề.

b) Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động độc lập, cho ý kiến đối với thủ tục hành chính có trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố; chủ trì việc lấy ý kiến tham vấn của chuyên gia hoặc đối tượng chịu sự tác động của văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính (nếu cần thiết).

Không tiếp nhận hồ sơ gửi thẩm định nếu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính khi chưa có ý kiến của cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính về nội dung quy định thủ tục hành chính tại dự thảo.

c) Tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ và Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, trong đó nhận định cụ thể trách nhiệm của cá nhân, đơn vị được phản ánh và kiến nghị biện pháp xử lý.

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã. Tăng cường kiểm tra đột xuất các đơn vị có nhiều cá nhân, tổ chức phản ánh về việc giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Tham mưu kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính. Tăng cường việc quán triệt, tập huấn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính đến các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính, cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính.

e) Chủ trì xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tổng rà soát bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố nhằm đảm bảo công bố, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Không nhận hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính do Sở, ban, ngành trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành nếu chưa có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

b) Trong thời gian sớm nhất, phải gửi Quyết định công bố thủ tục hành chính đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính để niêm yết công khai và tổ chức thực hiện; Sở Thông tin và Truyền thông để công khai trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố; Sở Tư pháp (Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính) và Cục Kiểm soát Thủ tục hành chính để theo dõi, quản lý.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan tham mưu, nghiên cứu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công khai, thực hiện thủ tục hành chính; hướng dẫn Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai kết quả xử lý phản ánh kiến nghị của các đơn vị trên

Trang thông tin điện tử của Thành phố và của các đơn vị (đối với các đơn vị có trang thông tin điện tử).

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố công khai đầy đủ, kịp thời các quyết định công bố, nội dung chi tiết của thủ tục hành chính; địa chỉ cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của Thành phố.

c) Phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan báo chí, Đài Phát thanh Thành phố, Đài Truyền hình Thành phố xây dựng các chuyên mục, chuyên trang và dành thời lượng phù hợp để tuyên truyền rộng rãi đến người dân về tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính trong địa bàn Thành phố.

6. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kịp thời kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị thực hiện thống nhất chế độ chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, như sau:

- Mức chi: Trên cơ sở các hoạt động kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm duyệt chi theo hiệu quả công việc cụ thể của từng tháng là 20.000 đồng/người/ngày. Danh sách cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phải được Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt. Thời điểm áp dụng tính từ ngày danh sách được phê duyệt.

- Nguồn kinh phí: được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành (kinh phí không tự chủ) và các nguồn hợp pháp khác. Khoản kinh phí này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể của Thành phố phát huy vai trò giám sát hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính đối với các cơ quan hành chính trên địa bàn Thành phố; tập hợp các vướng mắc, khó khăn trong thực hiện thủ tục hành chính gửi về Sở Tư pháp để kịp

thời kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi từ chối thực hiện hoặc kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tự đặt ra các thủ tục hành chính không phù hợp quy định pháp luật, không công khai, minh bạch thủ tục hành chính tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

Chi thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Chi thị này thay thế Chi thị số 32/2011/CT-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường các biện pháp thực hiện công tác hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao Sở Tư pháp hướng dẫn, đơn đốc triển khai thực hiện Chi thị này và tổng hợp báo cáo vướng mắc khó khăn (nếu có) trong quá trình thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6037/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Thực hiện Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương”

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 6927/TTr-STP-TC ngày 18 tháng 11 năm 2014 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 952/TTr-SNV ngày 22 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện nhiệm

vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện
nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm
hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 6037/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Phần I

CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Cơ sở pháp lý

- Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Quốc hội khóa XIII thông qua Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 (*các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định thì có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014*). Theo Khoản 5 Điều 17, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 18 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương và trong công tác xử lý vi phạm hành chính.

- Ngày 19 tháng 7 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Điều 30 quy định Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

- Ngày 25 tháng 10 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1950/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “*Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan tư pháp địa phương*” (sau đây gọi tắt là Đề án 1950). Theo đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế thực hiện nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân các cấp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương như sau:

+ Thành lập Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính thuộc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với ít nhất 07 biên chế công chức.

+ Bổ sung biên chế, cán bộ cho Phòng Tư pháp, bảo đảm mỗi Phòng Tư pháp ít nhất 01 biên chế chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

+ Bảo đảm bố trí đủ biên chế công chức Tư pháp - Hộ tịch để giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác tư pháp, trong đó có quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

Triển khai các văn bản nêu trên, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp có Công văn số 23-CV/BCS ngày 19 tháng 02 năm 2014 đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo việc xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố. Theo đó, Thường trực Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản giao Sở Tư pháp tham mưu việc triển khai thực hiện (truyền đạt tại Công văn số 6163-CV/VPTU ngày 03 tháng 3 năm 2014 của Văn phòng Thành ủy và Công văn số 1962/VP-PCNC ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố).

Do đó, việc xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố là có cơ sở pháp lý và cần thiết.

II. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và Đề án 1950, tình hình tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố như sau:

1. Đối với cấp Thành phố

Theo quy định, việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là nhiệm vụ mới được giao cho cơ quan tư pháp địa phương, đối với cấp Thành phố giao cho Sở Tư pháp. Hiện nay, Sở Tư pháp tạm thời phân công Phòng Công tác thi hành pháp luật tham mưu. Tuy nhiên, Phòng Công tác thi hành pháp luật chỉ có 05 biên chế, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Do đó, thời gian qua, việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn hạn chế, một số nhiệm vụ chưa được triển khai do thiếu nguồn lực như công tác thanh tra, kiểm tra; một số công tác triển khai còn có mức độ như việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính, đề xuất việc xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp thực tiễn hoặc chồng

chéo, mâu thuẫn. Bên cạnh đó, trong thời gian tới, khi Bộ Tư pháp triển khai việc xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính - đây là nhiệm vụ quan trọng, với khối lượng thông tin về xử lý vi phạm hành chính lớn như Thành phố thì nguồn lực như hiện nay không đáp ứng yêu cầu.

2. Đối với cấp huyện

Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Tư pháp, thời gian qua các quận, huyện đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đến các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn, đồng thời thực hiện báo cáo, thống kê thông tin về xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, việc triển khai nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại các quận, huyện còn có mức độ, gặp nhiều khó khăn do không có công chức chuyên trách công tác này.

3. Đối với cấp xã

Theo kết quả thống kê cho thấy hiện nay trong tổng số 322 phường, xã, thị trấn của Thành phố vẫn còn một số đơn vị chưa bố trí đủ 02 công chức Tư pháp - Hộ tịch. Thực trạng này đã ảnh hưởng đến việc giúp Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác tư pháp nói chung và việc triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính nói riêng.

Như vậy, nhiệm vụ quản lý Nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là công việc mới, đa dạng, phức tạp, đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính gồm tất cả các tổ chức, cá nhân từ đủ 14 tuổi trở lên có vi phạm hành chính; lĩnh vực bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến tất cả các ngành, lĩnh vực của đời sống xã hội; có trên 150 chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc nhiều cơ quan, nhiều cấp khác nhau... Bên cạnh đó, Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số lượng việc xử lý vi phạm hành chính hàng năm trung bình cao nhất nước (*theo số liệu thống kê trong 06 tháng - từ tháng 10 năm 2013 đến tháng 3 năm 2014 - toàn Thành phố có 559.848 quyết định xử phạt vi phạm hành chính*) nên khối lượng công việc quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này rất lớn, cần phải có bộ phận chuyên trách để tham mưu có hiệu quả.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Đề án “Xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” là cần thiết, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn Thành phố.

Phần II

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN

I. Mục tiêu, yêu cầu

Việc xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế chuyên trách triển khai nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đáp ứng mục tiêu, yêu cầu sau:

- Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức.

- Triển khai thực hiện quản lý thống nhất công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên cơ sở quy định pháp luật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Thành phố.

- Việc thành lập Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính thuộc Sở Tư pháp có cơ cấu tổ chức, bộ máy tinh gọn, phù hợp chức năng, nhiệm vụ, không chồng chéo, mâu thuẫn với các phòng, đơn vị trực thuộc khác của Sở Tư pháp.

II. Tổ chức bộ máy, biên chế triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Đối với cấp Thành phố (Sở Tư pháp): thành lập Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính.

a) Về loại hình: phòng nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp.

b) Về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính:

- Chức năng: Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính là phòng nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp, có chức năng tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố.

- Tham mưu, đề xuất Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ:

+ Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo dõi và báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố.

+ Đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc Bộ Tư pháp nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau.

+ Phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

+ Đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

+ Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố việc thanh tra khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên địa bàn Thành phố theo quy định.

+ Thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của Thành phố.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp.

c) Cơ cấu tổ chức, biên chế: giao bổ sung cho Sở Tư pháp (*Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính*) 06 biên chế, với các chức danh: Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng và các chuyên viên, theo vị trí việc làm như sau:

- Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành:

+ Vị trí Trưởng phòng

+ Vị trí Phó Trưởng phòng

- Nhóm công việc hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ: Chuyên trách về quản lý xử lý vi phạm hành chính.

d) Điều kiện cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động:

- Trụ sở làm việc: phòng làm việc của Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính được bố trí chung trong trụ sở của Sở Tư pháp, tại số 141 - 143 Pasteur, Phường 6, Quận 3.

- Về trang thiết bị, phương tiện làm việc: sau khi Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính được thành lập, Sở Tư pháp dự trù kinh phí mua sắm các trang thiết bị làm việc theo quy định.

- Về kinh phí hoạt động hành chính: kinh phí hoạt động hành chính (*quỹ tiền lương và chi phí quản lý hành chính*) từ kinh phí khoán của Sở Tư pháp, được bổ sung sau khi thành lập Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với cấp huyện: bổ sung 01 biên chế chuyên trách cho Phòng Tư pháp.

a) Về nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của Phòng Tư pháp:

- Giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện theo dõi và báo cáo công tác thi hành pháp luật Xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

- Đề xuất với Ủy ban nhân dân quận - huyện kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau.

- Thực hiện các nhiệm vụ phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân quận - huyện thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của địa phương.

b) Cơ cấu biên chế chuyên trách: Ủy ban nhân dân các quận, huyện bổ sung cho Phòng Tư pháp 01 biên chế chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, với vị trí việc làm là Chuyên trách về quản lý xử lý vi phạm hành chính.

3. Đối với cấp xã: bảo đảm bố trí đủ biên chế công chức Tư pháp - Hộ tịch.

a) Về nhiệm vụ quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính của công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn:

- Giúp Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn theo dõi và báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.

- Tổng hợp kiến nghị về các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau để đề xuất việc nghiên cứu, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại phường, xã, thị trấn.

- Thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của địa phương.

b) Cơ cấu biên chế chuyên trách: Ủy ban nhân dân các quận, huyện bảo đảm bố trí đủ từ 2 đến 3 biên chế công chức Tư pháp - Hộ tịch theo hướng dẫn tại Công văn số 1372/HDLS-NV-TC ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Sở Nội vụ và Sở Tài chính

hướng dẫn về số lượng, bố trí các chức danh cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách và chế độ, chính sách đối với cán bộ không chuyên trách phường, xã, thị trấn theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, để giúp Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác tư pháp, trong đó có quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính.

III. Kinh phí thực hiện Đề án

Kinh phí thực hiện Đề án do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác (nếu có) nhằm đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố.

Hàng năm, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các Ủy ban nhân dân quận, huyện lập dự toán kinh phí trình cơ quan có thẩm quyền quyết định và giao dự toán thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp:

- Phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định bổ sung 06 biên chế cho Sở Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Thời gian thực hiện: trong quý 4 năm 2014.

- Ban hành Quyết định thành lập Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính; bố trí, sắp xếp công chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chế độ hiện hành.

Thời gian thực hiện: trong quý 4 năm 2014.

- Phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung kinh phí từ ngân sách nhà nước cho Sở Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Thời gian thực hiện: trong quý 4 năm 2014.

- Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các quận, huyện về tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các quận, huyện báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố việc thực hiện Đề án.

2. Sở Nội vụ:

- Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định bổ sung 07 biên chế cho Sở Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Thời gian thực hiện: trong quý 4 năm 2014.

- Hướng dẫn các quận, huyện về tổ chức biên chế thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Thời gian thực hiện: trong quý 4 năm 2014.

3. Sở Tài chính:

Trình Ủy ban nhân dân Thành phố bổ sung kinh phí từ ngân sách nhà nước cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo nội dung Đề án.

Thời gian thực hiện: trong quý 4 năm 2014.

4. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

- Bổ sung cho Phòng Tư pháp 01 biên chế chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Thời gian thực hiện: trong quý 4 năm 2014.

- Bảo đảm bố trí đủ từ 2 đến 3 biên chế công chức Tư pháp - Hộ tịch theo hướng dẫn tại Công văn số 1372/HDLS-NV-TC ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Sở Nội vụ và Sở Tài chính hướng dẫn về số lượng, bố trí các chức danh cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách và chế độ, chính sách đối với cán bộ không chuyên trách phường, xã, thị trấn theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, để giúp Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác tư pháp, trong đó có quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính.

- Phối hợp với Sở Tài chính thực hiện thủ tục bổ sung kinh phí từ ngân sách nhà nước cho Phòng Tư pháp để thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Bảo đảm trang thiết bị, phương tiện làm việc đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6045/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Quản lý, cắt cơn, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định tại các cơ sở xã hội trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 77/2014/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BTP ngày 25 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tư pháp ban hành các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên theo quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Công văn số 74/TANDTC-KHXX ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 19218/TTr-LĐTBXH-PCTNXH ngày 28 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án “Quản lý, cắt cơn, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định tại các cơ sở xã hội trong thời gian lập hồ sơ đề Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai, tổ chức thực hiện Đề án trên địa bàn Thành phố; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, những vấn đề mới phát sinh trong quá trình thực hiện; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Y tế,

Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Quản lý, cắt cơn, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định tại các cơ sở xã hội trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
Ban hành kèm theo Quyết định số 6045/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỀ ÁN:

1. Sự cần thiết:

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm lớn về kinh tế, là đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, cũng như người dân nhập cư từ các địa phương trong cả nước đến mưu sinh và làm việc. Bên cạnh những mặt tích cực của sự phát triển, Thành phố phải đối mặt với tình hình phức tạp của các loại tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy đã và đang diễn ra với những thách thức, khó khăn, làm ảnh hưởng đến môi trường sống bình yên của người dân và sự phát triển bền vững của Thành phố.

Thực hiện Luật Phòng, chống ma túy sửa đổi, bổ sung; Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn của các Bộ - ngành Trung ương, Thành phố đã đưa vào các cơ sở cai nghiện bắt buộc với số người nghiện ma túy ngày một tăng (năm 2010 đưa cai nghiện bắt buộc 3.754 người; năm 2011 là 4.530 người; năm 2012 là 5.527 người và theo số liệu thống kê năm 2013 có 5.251 người được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc), trong đó số người nghiện ma túy thuộc diện lang thang và từ các tỉnh, thành phố khác đến vi phạm chiếm tỷ lệ hơn 60% (người nghiện mới chiếm 74%). Hiện nay, qua công tác thống kê trên địa bàn Thành phố có trên 19.213 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý (nhận định tỷ lệ sót lọt trong thống kê người nghiện vào khoảng từ 50% - 70%), trong đó có hơn 8.000 người đang được quản lý tập trung tại 12 Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội của Thành phố.

Dự báo tình hình mua bán và sử dụng trái phép các chất ma túy trong thời gian tới tiếp tục tiềm ẩn và diễn biến phức tạp và đặc điểm của người nghiện ma túy sẽ có những thay đổi, bên cạnh số lượng lớn người sử dụng heroin qua tiêm chích thì số người sử dụng các chất ma túy tổng hợp có chiều hướng gia tăng mạnh trong nhóm đối tượng là thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên ở khu vực đô thị; tỷ lệ tái nghiện vẫn còn cao, số người tự nguyện đăng ký cai nghiện tại gia đình, tại cộng đồng còn thấp và đặc biệt là số người nghiện ma túy từ các tỉnh, thành phố khác và người lang thang không có nơi cư trú ổn định đến Thành phố Hồ Chí Minh vi phạm có xu hướng tiếp tục gia tăng.

Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, tuy nhiên đến nay Tòa án nhân dân quận, huyện chỉ mới xem xét quyết định đưa một vài trường hợp nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, do còn nhiều khó khăn, vướng mắc về quy định, thủ tục, cụ thể như:

- Theo Điều 131 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định giao tổ chức xã hội quản lý đối người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên hiện nay các Bộ - ngành chưa hướng dẫn điều kiện đảm bảo cho việc tổ chức quản lý và thực tế chưa có tổ chức xã hội nào muốn nhận quản lý các đối tượng này (bao gồm cả các cơ sở cai nghiện tư nhân);

- Cơ sở để xác định tình trạng nghiện của một người sử dụng ma túy phải được lưu lại cơ sở y tế từ 6 đến 8 giờ hoặc lâu hơn để theo dõi các dấu hiệu lâm sàng (hội chứng cai) thì mới xác định được tình trạng nghiện ma túy của họ, tuy nhiên thực tế các cơ sở y tế không được quyền bắt buộc người sử dụng ma túy phải lưu lại cơ sở y tế để theo dõi và xác định tình trạng nghiện.

Nhằm khắc phục kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện áp dụng biện pháp đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 221/2013/NĐ-CP của Chính phủ, nhanh chóng giải quyết tình trạng người nghiện ma túy hút chích tại nơi công cộng và cộng đồng dân cư, đang tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 77/2014/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2014 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, trong đó chỉ đạo các địa phương tạm thời giao trung tâm, cơ sở

tiếp nhận đối tượng xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp nhận để quản lý, cắt con, giải độc, tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Từ những yếu tố nêu trên cho thấy sự cần thiết phải thành lập các cơ sở xã hội trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội với điều kiện sẵn có về cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh nghiệm quản lý và chuyên môn điều trị nghiện ma túy để quản lý, cắt con, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trên địa bàn Thành phố trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đồng thời xác định tình trạng nghiện ma túy của người nghiện ma túy để hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương trong thời gian qua.

2. Cơ sở pháp lý:

- Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

- Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

- Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

- Nghị quyết số 77/2014/QH13 ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015;

- Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân;

- Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

- Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Thông tư số 14/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hướng dẫn xây dựng nội quy, quy chế đối với học viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Thông tư số 20/2014/TT-BTP ngày 25 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tư pháp về ban hành các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên theo quy định của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

- Công văn số 74/TANDTC-KHXX ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

II. MỤC TIÊU CHUNG:

- Quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định tại các cơ sở xã hội trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 131 Luật Xử lý vi phạm hành chính, không để người được quản lý tiếp tục vi phạm pháp luật và đảm bảo sự có mặt của người được quản lý khi Tòa án nhân dân triệu tập phiên họp xem xét và thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Xác định tình trạng nghiện ma túy của người nghiện ma túy để hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; điều trị cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý, phục hồi và chăm sóc sức khỏe cho người nghiện ma túy theo quy định của Bộ Y tế trong thời gian quản lý tại cơ sở xã hội.

- Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh nghiệm về chuyên môn điều trị nghiện tại các cơ sở cai nghiện để đáp ứng các yêu cầu quản lý, chữa trị người nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố hiện nay.

- Giải quyết tình trạng người nghiện ma túy đang hút chích công khai tại nơi công cộng và cộng đồng dân cư đã làm tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội góp phần hạn chế phát sinh người nghiện mới và nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS ngoài cộng đồng.

III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN:

1. Tên gọi, loại hình tổ chức:

a) Tên Đề án: Quản lý, cắt cơn, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định tại các cơ sở xã hội trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Loại hình tổ chức:

- Căn cứ tình hình thực tế về đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập các cơ sở xã hội để tiếp nhận, quản lý, cắt cơn, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định theo quy định tại Điều 131 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Cơ sở xã hội là đơn vị sự nghiệp công lập có thu trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố quản lý, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật; được tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

c) Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở xã hội:

- Tiếp nhận người nghiện ma túy do các cơ quan, tổ chức, gia đình người nghiện giới thiệu đến hoặc bản thân người nghiện ma túy tự nguyện đến điều trị;

- Tiếp nhận và điều trị cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định đưa vào cơ sở điều trị nghiện bắt buộc;

- Cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý, phục hồi, chăm sóc sức khỏe cho người nghiện ma túy; lồng ghép điều trị Methadone, liên thông xét nghiệm, điều trị ARV cho bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS; rà soát, phân loại, xác minh nơi cư trú để chuyển gửi điều trị theo quy định;

- Cơ sở xã hội không tổ chức lao động sản xuất cho bệnh nhân trong cơ sở, kể cả lao động điều trị. Người nghiện ma túy đến cơ sở xã hội được coi là

bệnh nhân, được bảo đảm điều kiện sống, chăm sóc y tế, bảo vệ an toàn, bảo đảm quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Cơ sở xã hội không được tiếp nhận những người đã có quyết định cai nghiện bắt buộc của Tòa án.

2. Tổ chức hoạt động của cơ sở xã hội:

a) Cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự của cơ sở xã hội:

- Cơ sở xã hội do một Giám đốc phụ trách và có một số Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc.

- Biên chế nhân sự, quỹ lương: được Ủy ban nhân dân Thành phố giao chung trong tổng số biên chế sự nghiệp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

- Các phòng nghiệp vụ gồm: Phòng Y tế phục hồi sức khỏe; Phòng Tư vấn giáo dục; Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Bảo vệ; các Khu quản lý bệnh nhân và một số bộ phận nghiệp vụ khác.

b) Cơ sở vật chất:

Trên cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có tiến hành sửa chữa, nâng cấp bố trí để sử dụng phù hợp với chức năng hoạt động của cơ sở xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

3. Đối tượng tiếp nhận: Người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Nội dung quản lý, cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý tại cơ sở xã hội:

Căn cứ Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn về việc đưa người vào cơ sở xã hội để quản lý, cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và hồ sơ theo quy định do cơ quan Công an bàn giao, cơ sở xã hội tiến hành tiếp nhận, phân loại, tổ chức quản lý, chữa bệnh, cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý cho người nghiện với các nội dung sau:

a) Giai đoạn tiếp nhận, phân loại (ngày thứ nhất):

- Tư vấn cho người nghiện ma túy về phương pháp cai nghiện để bản thân họ sẵn sàng phối hợp thực hiện cai nghiện.

- Khám sức khỏe ban đầu và lập hồ sơ bệnh án theo Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT/BLĐTBXH-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2010.

- Kiểm tra đồ dùng cá nhân; loại trừ các chất ma túy kê cả thuốc gây nghiện, các thuốc có dẫn xuất từ ma túy nhóm chất dạng thuốc phiện.

- Xét nghiệm, phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác theo chỉ định của bác sĩ.

- Căn cứ vào hồ sơ bệnh án, các kết quả xét nghiệm và các tài liệu khác có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 5075/QĐ-BYT ngày 12 tháng 12 năm 2007 ban hành “Hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm Opiats (chất dạng thuốc phiện)” và Quyết định số 3556/QĐ-BYT ngày 10 tháng 9 năm 2014 ban hành “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các rối loạn tâm thần thường gặp do sử dụng ma túy tổng hợp dạng Amphetamine”, cán bộ tiếp nhận phân loại người nghiện ma túy theo mức độ nghiện và loại ma túy sử dụng, tình trạng sức khỏe để tiếp nhận và bố trí vào các khu cất cơn, điều trị phù hợp.

- Lập kế hoạch cai nghiện cho từng người nghiện ma túy dựa trên các căn cứ: loại ma túy sử dụng, thời gian sử dụng ma túy, nguyên nhân nghiện ma túy và các rối loạn tâm lý của người nghiện ma túy.

- Hướng dẫn người nghiện ma túy chấp hành nội quy, quy định về khám chữa bệnh; các nội quy sinh hoạt trong thời gian ở cơ sở xã hội.

- Khám, theo dõi các triệu chứng lâm sàng tổng thể để làm cơ sở xác định tình trạng nghiện ma túy cho người nghiện ma túy.

b) Giai đoạn điều trị cất cơn, giải độc, điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội (thực hiện trong thời gian từ 10 - 20 ngày):

- Căn cứ tình trạng sức khỏe, mức độ nghiện, loại ma túy sử dụng, các kết quả xét nghiệm cận lâm sàng khác, y, bác sĩ Trung tâm lập kế hoạch điều trị cất cơn, giải độc, điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội cho người nghiện ma túy; xác định tình trạng nghiện hiện tại của người nghiện ma túy và chuyển gửi kết quả đến cơ quan công an lập hồ sơ.

- Áp dụng các bài thuốc đông y hoặc thuốc từ dược liệu đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành và hướng dẫn điều trị hỗ trợ cất cơn hoặc hướng dẫn điều trị cai nghiện ma túy đã được Bộ Y tế ban hành.

- Thực hiện các biện pháp tâm lý, vật lý trị liệu, giúp cho người nghiện ma túy bớt lo âu, làm giảm hội chứng cai.

- Tổ chức điều trị cho người nghiện ma túy nhiễm HIV, bệnh lao hoặc các bệnh thông thường khác theo đúng phác đồ do Bộ Y tế quy định.

- Tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe về các bệnh nhiễm trùng cơ hội, HIV/AIDS và các bệnh, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục cho người nghiện ma túy.

- Trong quá trình theo dõi, điều trị cắt cơn, giải độc, nếu người nghiện ma túy có bất kỳ các bệnh lý khác vượt quá khả năng điều trị của cơ sở xã hội, y sĩ, bác sĩ điều trị sẽ tiến hành hội chẩn và chuyển tuyến trên để chẩn đoán và điều trị kịp thời cho người nghiện ma túy.

c) Giai đoạn giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách:

- Tiến hành phân khu quản lý người nghiện ma túy theo giới tính, độ tuổi, tình trạng sức khỏe; tình trạng nghiện ma túy; tiền án, tiền sự để bố trí nơi ăn ở, sinh hoạt theo yêu cầu điều trị và tình trạng sức khỏe đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho người nghiện trong thời gian được quản lý tại cơ sở xã hội.

- Tư vấn cho người nghiện ma túy về điều trị nghiện ma túy, giúp họ có cơ hội tìm hiểu về tác hại của ma túy và hậu quả của việc sử dụng ma túy; đồng thời thảo luận với từng người nghiện ma túy về kế hoạch điều trị phù hợp nhất với hoàn cảnh và điều kiện của từng người.

- Thực hiện liệu pháp tâm lý cá nhân: Tổ chức hoạt động tư vấn cá nhân giúp người nghiện ma túy tháo gỡ những vướng mắc, lo lắng về gia đình, sức khỏe, bệnh tật.

- Thực hiện liệu pháp tâm lý nhóm: Tổ chức người nghiện ma túy thành từng nhóm: nhóm cùng hoàn cảnh, nhóm cùng tiến bộ. Tại nhóm, người nghiện ma túy có thể bày tỏ những tâm tư, vướng mắc, lo âu để mọi người trong nhóm cùng thảo luận, tìm cách giúp đỡ, xóa bỏ sự cô độc, mặc cảm, thúc đẩy sự tôn trọng lẫn nhau, sự cởi mở và chia sẻ giữa mọi người.

- Thực hiện liệu pháp tâm lý tập thể: Giao ban buổi sáng; thảo luận về các chủ đề đạo đức, trách nhiệm với gia đình và xã hội về tác hại của nghiện ma túy. Các hoạt động phong phú, thể hiện tình thương yêu của tập thể với cá nhân

và trách nhiệm của cá nhân với tập thể đó như một gia đình; ngoài ra, có thể dùng các phương pháp trị liệu tâm lý khác như tâm năng dưỡng sinh, thiền trong trị liệu tập thể.

- Liệu pháp thể dục, thể thao, vui chơi giải trí: Tổ chức cho người nghiện ma túy tham gia các hoạt động thể dục, thể thao, vui chơi giải trí như: bóng đá, bóng chuyền, văn hóa, văn nghệ, xem tivi và các loại hình thể thao, giải trí khác.

- Tổ chức quản lý đảm bảo không để người được quản lý tiếp tục vi phạm pháp luật và có mặt khi Tòa án nhân dân triệu tập; đảm bảo thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân.

- Cơ sở xã hội căn cứ quyết định đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tiến hành phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan có kế hoạch tổ chức đưa người nghiện thi hành quyết định tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

Kinh phí thực hiện Đề án được ngân sách đảm bảo trong dự toán hàng năm của cơ sở xã hội, bao gồm các khoản như:

- Chi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất; đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ Đề án trên cơ sở tận dụng điều kiện vật chất hiện có, tránh lãng phí và phù hợp với quy định.

- Chi cho các hoạt động thường xuyên của cơ sở xã hội nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuốc, nhu yếu phẩm, vật dụng cần thiết ... cho người nghiện ma túy theo quy định hiện hành.

- Chi các nội dung khác theo quy định.

V. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo đúng nội dung đã đề ra; định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí trên cơ sở tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án của các Sở - ngành, đơn vị liên quan gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Chủ trì phối hợp với Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và sắp xếp bộ máy nhân sự đảm bảo thực hiện Đề án tại các cơ sở xã hội.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện cho cán bộ tại các cơ sở xã hội và tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách tại các quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn Thành phố; báo cáo đột xuất, định kỳ và đề xuất giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Đề án với Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Y tế:

Chủ trì phối hợp các Sở - ngành liên quan tổ chức tập huấn, hỗ trợ chuyên môn cho đội ngũ y tế tại các cơ sở xã hội và địa phương làm công tác cai nghiện ma túy, đảm bảo điều kiện để xác định tình trạng nghiện ma túy và hướng dẫn quy trình xác định tình trạng nghiện, điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy theo thẩm quyền; cử đội ngũ bác sĩ chuyên ngành hỗ trợ cho các cơ sở xã hội chăm sóc sức khỏe, điều trị các bệnh có liên quan cho người nghiện ma túy trong quá trình cắt cơn, giải độc, chăm sóc sức khỏe.

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý các hoạt động y tế trong cơ sở xã hội và cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Công an Thành phố:

- Chỉ đạo lực lượng Công an địa phương trong việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy; truy tìm người nghiện ma túy bỏ trốn; phối hợp đảm bảo an trật tự tại các cơ sở xã hội và cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức điều tra, triệt phá, xử lý các vụ phạm pháp về ma túy để tăng cường tính răn đe, giáo dục đối với nghiện ma túy.

4. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở -

ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về nội dung chi, mức chi cho công tác: lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;...

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện Đề án.

5. Sở Nội vụ:

Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố hướng dẫn về tổ chức bộ máy và hoạt động của các cơ sở xã hội.

6. Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố:

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở xã hội trực thuộc chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, bố trí nhân sự, dự trù kinh phí... tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đã được phân công theo Đề án.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên:

Đẩy mạnh việc vận động người nghiện và thân nhân gia đình người nghiện ma túy tự giác khai báo tình trạng nghiện và tự nguyện đăng ký hình thức cai nghiện; đồng thời, tích cực phối hợp triển khai thực hiện Đề án.

8. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố:

Chỉ đạo Tòa án nhân dân các quận, huyện đẩy nhanh tiến độ trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; phối hợp với cơ quan có liên quan hướng dẫn xử lý các trường hợp vướng mắc trong việc lập hồ sơ, thủ tục xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

9. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai các hoạt động của Đề án theo thẩm quyền.

- Chuẩn bị về nhân sự và các điều kiện cần thiết để thực hiện Đề án; hỗ trợ các cơ sở xã hội trú đóng trên địa bàn để đảm bảo an ninh trật tự.

- Chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể trực thuộc, tổ chức phổ biến, tập huấn,

bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách thực hiện việc lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định vào cơ sở xã hội.

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an quận, huyện, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn trong việc lập hồ sơ đề nghị và thi hành quyết định áp biện pháp đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thành lập, củng cố Tổ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng theo quy định của pháp luật và tăng cường công tác tuyên truyền về Đề án này; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và hỗ trợ người nghiện ma túy tự nguyện đi cai nghiện.

10. Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn:

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức triển khai các hoạt động của Đề án theo thẩm quyền.

- Lập hồ sơ và ban hành quyết định đưa người vào cơ sở xã hội để quản lý, cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động và hỗ trợ người nghiện ma túy tự nguyện đi cai nghiện.

11. Cơ sở xã hội và cơ sở cai nghiện bắt buộc:

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng để thực hiện có hiệu quả Đề án của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và bố trí nhân sự để đảm bảo công tác tiếp nhận, quản lý, cắt cơn, giải độc và tư vấn tâm lý cho người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục đề Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tiếp nhận, quản lý và tổ chức cai nghiện phục hồi đối với người nghiện ma túy đã có quyết định của Tòa án nhân dân về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn để đảm bảo năng lực, điều kiện thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của đơn vị để đảm bảo các điều kiện theo quy định về điều trị cắt cơn, giải độc, xác định tình trạng nghiện ma túy và tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện.

- Đảm bảo công tác an ninh trật tự tại đơn vị để người nghiện ma túy an tâm chữa bệnh và học tập./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6185/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về bãi bỏ Quyết định số 93/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế (mẫu) công tác văn thư, lưu trữ cơ quan

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xây dựng Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức;

Căn cứ Quyết định số 5068/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ đầu đối với văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành (trong kỳ hệ thống hóa 31 tháng 12 năm 2013);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1094/TTr-SNV ngày 27 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 93/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế (mẫu) công tác văn thư, lưu trữ cơ quan.

Điều 2. Việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện Quy chế công tác văn thư, lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn xây dựng Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy chế công tác văn thư, lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức theo quy định tại Thông tư số 04/2013/TT-BNV.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6186/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ủy quyền thực hiện một số quyền, trách nhiệm,
nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty Trách nhiệm
hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích quận - huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 66/2011/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Cán bộ, công chức đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1114/TTr-SNV ngày 02 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích quận - huyện như sau:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển; Giao kế hoạch hàng năm và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, chế độ tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng quỹ, phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm của công ty;

2. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; quy định cơ chế giao nhiệm vụ và tham gia thực hiện việc cung cấp và bảo đảm các sản phẩm, dịch vụ công ích, thiết yếu của nền kinh tế;

3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc và Kiểm soát viên công ty; Quyết định mức lương đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên công ty; đánh giá đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành công ty;

4. Phê duyệt quỹ tiền lương và tiền thưởng đối với viên chức quản lý và người lao động;

5. Giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn và về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp;

việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của công ty; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty;

6. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện các nội dung ủy quyền theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, để đảm bảo hiệu quả quản lý đối với các Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích quận - huyện trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích quận - huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6187/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại công văn số 6922/STP-KSTT ngày 09 tháng 12 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp,

Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 trên địa bàn Thành phố

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6187/QĐ-UBND

ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố.

- Thực hiện tốt công tác công bố, công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định, làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện thủ tục hành chính và phòng ngừa, hạn chế tham nhũng, tiêu cực.

- Nâng cao trách nhiệm giải trình và đảm bảo quyền giám sát của cá nhân, tổ chức theo quy định: tổ chức tiếp nhận và xử lý triệt để các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức; tổ chức giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức đảm bảo minh bạch, khách quan, công bằng, liên thông, kịp thời, chính xác, không gây phiền hà.

2. Yêu cầu

- Nội dung Kế hoạch bảo đảm đầy đủ các nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định; đồng thời có chú trọng các nhiệm vụ trọng tâm; đảm bảo tính thiết thực và tiết kiệm.

- Phân công công việc hợp lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; xác định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm thực hiện, thời hạn thực hiện và dự kiến sản phẩm.

- Huy động sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức có liên quan trong triển khai, thực hiện để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

II. NỘI DUNG

Theo phụ lục đính kèm.

III. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch kiểm soát TTHC của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2015 do ngân sách nhà nước đảm bảo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai và cho ý kiến về xét thi đua, khen thưởng việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị; báo cáo kết quả thực hiện.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận – huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã – phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chủ động thực hiện Kế hoạch này và xây dựng Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính tại đơn vị; báo cáo kết quả thực hiện hoặc báo cáo đột xuất hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính đúng quy định.

3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

Phụ lục
NỘI DUNG KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2015

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm
1. Hoàn thiện quy định về kiểm soát thủ tục hành chính					
1.1.	Xây dựng Quy chế hoạt động của cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố.	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Quý II/2015	Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố
2. Xây dựng các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, điều hành					
2.1.	Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND TP, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 12/2014	Quyết định của Chủ tịch UBND TP
2.2.	Kế hoạch tổ chức Hội nghị tổng kết, triển khai công tác và tập huấn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND TP, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 01/2015	Quyết định của Chủ tịch UBND TP
2.3.	Kế hoạch kiểm tra, khảo sát việc thực hiện thủ tục hành chính tại các sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn năm 2015	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND TP, Sở Nội vụ, Các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Tháng 01/2015	Quyết định của Chủ tịch UBND TP
2.4.	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND TP,	Tháng	Quyết định của Chủ

	tục hành chính trọng tâm năm 2015		các cơ quan, đơn vị có liên quan.	01/2015	tịch UBND TP
2.5.	Kế hoạch tổng rà soát, thống kê, chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, UBND quận – huyện, phường-xã, thị trấn	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 01/2015	Quyết định của Chủ tịch UBND TP
2.6.	Kế hoạch truyền thông hỗ trợ kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính năm 2015-2016	Sở Tư pháp	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Văn phòng UBND TP, các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Tháng 02/2015	Quyết định của Chủ tịch UBND TP
3. Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức đầu làm kiểm soát thủ tục hành chính.					
3.1	Tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND TP, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Từ tháng 01/2015 - tháng 10/2015 (Kế hoạch cụ thể)	
3.2	Kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm đầu mỗi kiểm soát thủ tục hành chính	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Tháng 01/2015	Quyết định phê duyệt của CT UBND TP; danh sách cán bộ công chức làm đầu mỗi KSTTHC trên địa bàn TP

3.3	Hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của các Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã - thị trấn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Thường xuyên	Văn bản hướng dẫn, hội thảo, họp...
4. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính, tham gia ý kiến, tham gia thẩm định quy định về thủ tục hành chính tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố					
4.1.	Thực hiện đánh giá tác động của thủ tục hành chính	Sở, ban, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản	Sở Tư pháp	Thường xuyên	Báo cáo kết quả đánh giá tác động của TTHC (kèm dự thảo + bảng đánh giá tác động)
4.2.	Tham gia ý kiến, tham gia thẩm định quy định về thủ tục hành chính tại dự thảo	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản và các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Văn bản góp ý, văn bản thẩm định
5. Công bố, công khai thủ tục hành chính					
5.1.	Xây dựng dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã - thị trấn; trình Chủ tịch UBND Thành phố ban hành	Sở, ban, ngành	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND TP	Thường xuyên	Quyết định công bố TTHC
5.2.	Kiểm soát chất lượng dự thảo	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành; các cơ	Thường	Văn bản kiểm soát chất

	Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã - thị trấn.		quan, đơn vị có liên quan	xuyên	lượng
5.3.	Công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính (nếu đơn vị có trang thông tin điện tử).	Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường, xã - thị trấn	Sở Tư pháp	Thường xuyên	TTHC được niêm yết, công khai
5.4.	Công khai thủ tục hành chính tại trang thông tin điện tử của UBND Thành phố và cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	- Sở Tư pháp (cơ sở dữ liệu quốc gia); - Sở Thông tin và Truyền thông (trang thông tin điện tử của TP)	Văn phòng UBND Thành phố	Thường xuyên	TTHC được công khai
6.	Giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức	Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Kết quả giải quyết TTHC
7. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính					

7.1.	Tiếp nhận, phân loại phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố; công khai kết quả xử lý	Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Văn bản xử lý/trả lời trả phản ánh kiến nghị
7.2.	Xử lý phản ánh, kiến nghị cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính do Sở Tư pháp chuyển đến	Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Sở Tư pháp	Thường xuyên	Văn bản thông báo kết quả xử lý PA, KN
8. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nghiên cứu đề xuất cải cách thủ tục hành chính					
8.1.	Tổ chức thực hiện Kế hoạch tổng rà soát, thống kê, chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, quận - huyện, phường - xã - thị trấn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2015 (Theo Kế hoạch)	Bộ TTHC đầy đủ, chính xác
8.2.	Tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan	Theo Kế hoạch	Báo cáo kết quả rà soát
8.3.	Theo dõi, đôn đốc triển khai Nghị quyết 43/NQ-CP ngày	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND Thành phố, Sở Kế hoạch	Theo kế hoạch ban	Các văn bản QPPL của UBND Thành phố ban

	06/6/2014 về cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất		và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	hành kèm Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Chủ tịch UBND TP.	hành quy trình, thủ tục TTHC
8.3.	Nghiên cứu đề xuất cải cách thủ tục hành chính; kết hợp liên thông thủ tục hành chính	Các Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Sở Tư pháp	Thường xuyên	Các văn bản QPPL của UBND Thành phố ban hành quy trình, thủ tục TTHC
9. Kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính					
	Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC tại một số đơn vị Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, UBND phường - xã - thị trấn (dự kiến khoảng 20 đơn vị).	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND TP, Sở Nội vụ các cơ quan, đơn vị có liên quan	Từ 01/2015 đến 12/2015 (Theo Kế hoạch)	Báo cáo kết quả kiểm tra
10. Công tác truyền thông hỗ trợ kiểm soát thủ tục hành chính					
	Tổ chức thực hiện Kế hoạch truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát TTHC, cải cách thủ tục hành chính.	Sở Tư pháp	Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan truyền thông, báo đài, các đơn vị khác có liên quan	Theo Kế hoạch	Các sản phẩm truyền thông

11. Công tác thông tin, báo cáo					
11.1.	Báo cáo Bộ Tư pháp về tình hình, kết quả kiểm soát TTHC 6 tháng, năm và báo cáo đột xuất	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Tháng 6/2015, tháng 11/2015, tháng 03/2015	Báo cáo
11.2.	Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo chuyên đề, theo yêu cầu	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành, UBND quận - huyện, phường - xã, thị trấn	Theo yêu cầu	Báo cáo

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6226/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 6168/STP-VB ngày 06 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.**

Đưa ra khỏi Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014 (gọi tắt là Chương trình lập quy năm 2014 ban hành kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố), 08 văn bản (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Điều chỉnh 03 văn bản trong Chương trình lập quy năm 2014

1. Điều chỉnh tên cơ quan chủ trì soạn thảo Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng dân phòng tại Thành phố từ “*Sở Nội vụ*” (tại Số thứ tự thứ 2 - Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 4661/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố) thành “*Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh*”.

2. Nhập “*Quyết định ban hành Quy định chính sách khuyến khích áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn Thành phố*” (tại Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 4661/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố) và “*Quyết định ban hành chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất tốt trong thủy sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*” (tại Số thứ tự thứ 38 - Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố) thành “*Quyết định quy định chính sách khuyến khích áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*”; Thời gian trình: Quý IV/2014; Kinh phí hỗ trợ: 9.000.000 đồng.

Điều 3. Phê duyệt kinh phí cấp cho Sở Tư pháp chủ trì xây dựng Quyết định điều chỉnh Chương trình lập quy 2014 là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định

này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tất Thành Cang

PHỤ LỤC
DANH MỤC VĂN BẢN ĐƯA RA KHỎI CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VÀ CHUẨN BỊ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 6226/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Số thứ tự tại CTLQ 2014
1.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 71/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2009 của UBND thành phố về việc ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận-huyện.	Sở Tư pháp	05 - PL1
2.	Quyết định	Ban hành quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giao thông vận tải	21 - PL1
3.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định 05/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2010 của UBND thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	31 - PL1
4.	Quyết định	Ban hành Quy trình xử lý sự cố công trình xây dựng trên địa bàn TPHCM	Sở Xây dựng	33 - PL1
5.	Quyết định	Ban hành chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với thủy sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39 - PL1
6.	Quyết định	Ban hành quy định về thu phí lưu trữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài chính	62 - PL1
7.	Chỉ thị	Về tăng cường công tác quản lý lực lượng thu gom rác dân lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	68 - PL1
8.	Nghị quyết	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép	Sở Giao thông	02 - PL3

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Số thứ tự tại CTLQ 2014
		kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	vận tải	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6463/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đặt tên đường mới trên địa bàn Quận 9

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 778/TTr-SVHTT-DSVH ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Sở Văn hóa và Thể thao về việc đặt tên đường mới trên địa bàn Quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đặt tên mới cho 08 (tám) tuyến đường trên địa bàn Quận 9 (danh sách tên đường kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân Quận 9, theo chức năng của mình tổ chức thực hiện những vấn đề có liên quan đến việc đặt tên mới và sửa đổi tên đường nêu ở Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan nêu tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH

Đường đặt tên mới trên địa bàn Quận 9

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 6463/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	TÊN ĐƯỜNG	LÝ TRÌNH
1.	PHẠM TRỌNG CẦU	Đặt tên cho đường 9A Từ đường Xuân Quỳnh đến đường Út Trà Ôn.
2.	NGUYỄN ĐÌNH THI	Đặt tên cho đường số 9 Từ đường Đỗ Xuân Hợp đến ranh đất Gia Hòa (đường số 6)
3.	XUÂN QUỲNH	Đặt tên cho đường số 2 Từ ranh đất Gia Hòa (hướng đường Dương Đình Hội) đến đường Trịnh Công Sơn.
4.	ÚT TRÀ ÔN	Đặt tên cho đường số 5 Từ ranh đất Gia Hòa (hướng đường Dương Đình Hội) đến đường Trịnh Công Sơn.
5.	HUY CẬN	Đặt tên cho đường III Từ ranh đất Gia Hòa (đường số 1) đến ranh đất Gia Hòa.
6.	THANH NGA	Đặt tên cho đường 21A Từ đường Xuân Quỳnh đến Tiểu đảo lô K.
7.	DIỆP MINH TUYẾN	Đặt tên cho đường 21B Từ đường Xuân Quỳnh đến Tiểu đảo lô T.
8.	TRỊNH CÔNG SƠN	Đặt tên cho đường 25 Từ đường Xuân Quỳnh đến ranh đất Gia Hòa (đường số 8).

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6464/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đặt tên đường mới trên địa bàn Quận 12

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 779/TTr-SVHTT-DSVH ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Sở Văn hóa và Thể thao về việc đặt tên đường mới trên địa bàn Quận 12,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đặt tên mới cho 23 (hai mươi ba) tuyến đường trên địa bàn Quận 12 (danh sách tên đường kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân Quận 12, theo chức năng của mình tổ chức thực hiện những vấn đề có liên quan đến việc đặt tên mới và sửa đổi tên đường nêu ở Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan nêu tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH

Đường đặt tên mới trên địa bàn Quận 12

(Ban hành kèm theo Quyết định số 6464/QĐ-UBND

Ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	TÊN ĐƯỜNG	LÝ TRÌNH
1.	HÀ THỊ KHIÊM	Đặt tên cho đường TMT18A Từ đường QL1A đến cuối tuyến.
2.	LÊ THỊ NHO	Đặt tên cho đường số TMT9A Từ đường TMT9A đến Tô Ký
3.	HÀ THỊ KHÉO	Đặt tên cho đường số TMT08 Từ đường NAT đến Nhà tưởng niệm Nguyễn An Ninh.
4.	TRƯƠNG THỊ NGÀO	Đặt tên cho đường TMT6A Từ đường TMT13 đến đường TMT2A.
5.	HUỖNH THỊ HAI	Đặt tên cho đường TCH21+TCH13 Từ đường Nguyễn Ảnh Thủ đến đường TCH21.
6.	LÂM THỊ HỒ	Đặt tên cho đường TCH05 Từ đường TCH13 đến đường TCH02.
7.	DƯƠNG THỊ MƯỜI	Đặt tên cho đường TCH Từ đường TCH33 đến đường Nguyễn Ảnh Thủ
8.	NGUYỄN THỊ TRĂNG	Đặt tên cho đường HT17 Từ đường HT37 đến đường NAT.
9.	NGUYỄN THỊ THỜI	Đặt tên cho đường HT18 Từ đường HT22 đến đường HT37.

10.	TRẦN THỊ DO	Đặt tên cho đường HT19 Từ đường HT18 đến đường HT37.
11.	TRẦN THỊ BẢY	Đặt tên cho đường HT13 Từ đường HT39 đến đường Nguyễn Ảnh Thủ
12.	TRẦN THỊ HÈ	Đặt tên cho đường HT42 Từ đường Nguyễn Ảnh Thủ đến đường BDH khu phố 4.
13.	NGUYỄN THỊ KIỀU	Đặt tên cho đường TTH01 Từ đường Lê Văn Khương đến đường TCH21.
14.	NGUYỄN THỊ BÚP	Đặt tên cho đường TCH02 Từ đường Nguyễn Ảnh Thủ đến đường TCH21.
15.	TRẦN THỊ CỜ	Đặt tên cho đường TA32 Từ đường Lê Văn Khương đến đường TA05.
16.	NGUYỄN THỊ KIỀU	Đặt tên cho đường TA19 Từ đường Lê Văn Khương đến đường Lê Thị Riêng.
17.	VÕ THỊ PHẢI	Đặt tên cho đường TA09 Từ đường Lê Văn Khương đến đường Lê Thị Riêng.
18.	NGUYỄN THỊ ĐẶNG	Đặt tên cho đường HT27 + TTH22 Từ đường QL1A đến đường Nguyễn Ảnh Thủ.
19.	NGUYỄN THỊ CĂN	Đặt tên cho đường TTH10 Từ đường QL1A đến đường TTH21.

20.	VÕ THỊ LIỄU	Đặt tên cho đường APĐ11 Từ đường APĐ03 đến đường QL1A.
21.	VÕ THỊ THỪA	Đặt tên cho đường APĐ27 Từ đường QL1A đến cầu Bà Dương.
22.	NGUYỄN THỊ SÁU	Đặt tên cho đường TL30 Từ đường Hà Huy Giáp đến Trại cá sấu Hoa Cà.
23.	DƯƠNG THỊ GIANG	Đặt tên cho đường TTN15 Từ đường Phan Văn Hớn đến Depot.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng